**SINH 10 – KIỂM TRA HKII**

**ĐÁP ÁN ĐỀ 1**

**A – PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **301** | **302** | **303** | **304** |
| 1 | D | B | B | A |
| 2 | C | B | A | D |
| 3 | C | D | C | D |
| 4 | B | B | A | B |
| 5 | B | B | B | C |
| 6 | B | C | D | B |
| 7 | D | A | A | C |
| 8 | C | D | B | B |
| 9 | C | C | D | A |
| 10 | A | C | B | A |
| 11 | A | D | D | C |
| 12 | A | D | A | D |
| 13 | D | A | C | D |
| 14 | D | A | D | A |
| 15 | A | A | C | C |
| 16 | B | C | C | B |
| 17 | D | A | B | B |
| 18 | B | A | B | C |
| 19 | A | C | B | B |
| 20 | A | D | C | D |
| 21 | B | B | C | C |
| 22 | B | B | C | D |
| 23 | A | B | A | D |
| 24 | D | A | A | A |
| 25 | D | C | D | B |
| 26 | C | D | D | A |
| 27 | C | D | A | A |
| 28 | C | C | D | C |

**B – PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1: Học sinh kẻ bảng sau vào giấy làm bài và hãy cho biết cơ sở khoa học của các ứng dụng sau: (1 điểm).**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ứng dụng vào thực tiễn** | **Cơ sở khoa học** |
| Sản xuất bánh kẹo, syrup, rượu, sữa chua, rau, củ, quả muối chua. | - Vi sinh vật có khả năng tiết ra enzyme để phân giảicarbohydrate bên ngoài tế bào. |
| Tiêu diệt, ức chế vi sinh vật gây bệnh; bảo quản thực phẩm bằng cách phơi khô, bảo quản lạnh, ngâm trong dung dịch đường,... | - Vi sinh vật chỉ sinh trưởng trong giới hạn nhất định của các yếu tố môi trường. |
| Sản xuất thuốc trừ sâu sinh học. | - Một số vi sinh vật tạo ra chất gây độc hại cho côn trùng. |
| Sản xuất insulin, interferon, interleukin, hormone sinh trưởng, vaccine tái tổ hợp,... | - Vi sinh vật đóng vai trò là vector chuyển gene. |

**Câu 2: Học sinh kẻ bảng sau vào giấy làm bài để phân biệt nuôi cấy không liên tục và nuôi cấy liên tục (2 điểm).**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Nuôi cấy không liên tục** | **Nuôi cấy liên tục** | **Điểm** |
| **Chất dinh dưỡng** | - Không được bổ sung chất dinh dưỡng.  - Không lấy đi các sản phẩm nuôi cấy. | - Thường xuyên bổ sung chất dinh dưỡng.  - Lấy đi một lượng dịch nuôi cấy tương đương. | 0.25  0.25 |
| **Các pha sinh trưởng** | 4 pha: tiềm phát, luỹ thừa, cân bằng, suy vong. | Không có pha suy vong | 0.5 (mỗi ô 0.25) |
| **Ý nghĩa** | - Nghiên cứu sự sinh trưởng của VSV.//  - Ứng dụng: làm sữa chua, muối dưa chua, lên men rượu// | Sản xuất sinh khối để thu nhận protein đơn bào//, sản xuất các hợp chất có hoạt tính sinh học (kháng sinh và các chế phẩm sinh học, hormone)// | 1đ |